

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24-7-2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Doãn Văn Sáng

2. Ông Trần Đình Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Đình B ; địa chỉ: Thôn T , xã M , huyện T , thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị T ; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T , xã M , huyện T , thành phố Hải Phòng; địa chỉ hiện nay: Thôn 9, xã L , huyện T , thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Vũ Đình B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đình B và chị Trần Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 06 tháng 6 năm 2014. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, xích mích nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn chị Trần Thị T.

- Về con chung: Anh B và chị T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh B trình bày anh và chị T không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để trình bày, giải quyết vụ việc.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật. Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật và những người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận anh Vũ Đình B được ly hôn với chị Trần Thị T. Anh B trình bày vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Anh Vũ Đình B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời khai của anh Vũ Đình B tại Tòa án phù hợp với tài liệu đã giao nộp cho Tòa án, phù hợp với tài liệu xác minh có trong hồ sơ. Tài liệu xác minh thể hiện anh B và chị T có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng khó có khả năng đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là Trần Thị T có nơi cư trú huyện T , thành phố Hải Phòng; chị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên có thẩm quyền xét xử vụ án này. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị T đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 06 tháng 6 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T , thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự, tài liệu điều tra xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Vũ Đình B được ly hôn chị Trần Thị T .

[3]. Về con chung: Anh Vũ Đình B và chị Trần Thị T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, mặt khác chưa có lời khai của chị T nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Vũ Đình B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đình B được ly hôn chị Trần Thị T .

2. Về án phí: Anh Vũ Đình B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003424 ngày 04 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Anh Vũ Đình B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã M , Thủy Nguyên, Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 06/6/2014);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Lý